

SO SÁNH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH CỦA VIỆT NAM, THÁI LAN TRONG TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM RÚT RA

LEATHÒ HỒNG KHUYẾN (*), NỮ HẠO YẾN (**)

Cô cấu kinh tế có vai trò quan trọng với nền kinh tế quốc dân của mỗi quốc gia trên thế giới, là nền tảng của nền kinh tế. Hiện nay, khi toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng trở nên sâu sắc thì việc hình thành lại chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế ngành nói riêng là vấn đề quan trọng.

Trong quá trình nói trên, Năng lực Nhân lực là rất quan trọng nên vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành. Tiến trình hội nhập các tổ chức ASEAN, ASEM, APEC, WTO... đòi hỏi năng lực nhân lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của Việt Nam. Bởi nếu cơ cấu này tổ chức theo ngành nào thì những chuyển biến tích cực, nào biết so với các nước trong khu vực thì các nước này và nhiều kinh tế tổng hợp và phát triển nền kinh tế so với nước ta như: Thái Lan, Xingapo, Trung Quốc...

Từ trước đến nay, hầu hết các công trình nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo phân ngành của Tổng cục Thống kê là những nghiên cứu công nghiệp - dịch vụ và chưa theo chuẩn quốc tế. Trên cơ sở hình thành lại qua các chỉ số kinh tế và

một việc nghiên cứu cơ cấu kinh tế như vậy, với số liệu, hình ảnh với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thái Lan thì bức tranh cơ cấu kinh tế ngành của Việt Nam sẽ như thế nào? Giải pháp nào cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta hiện nay.

Trước hết, cần phải tổng quan về cơ cấu ngành kinh tế như sau:

Cơ cấu ngành kinh tế là tổ hợp ngành kinh tế khác nhau hình thành trên các tổng quan tỷ lệ biểu hiện mối quan hệ tổng hợp giữa các ngành với nhau và phản ánh trình độ phát triển công nghiệp và đời sống của nền kinh tế và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Cơ cấu ngành kinh tế quyết định cơ cấu lãnh thổ và cơ cấu thành phần kinh tế.

Biểu thức cơ cấu ngành kinh tế bằng vô trí, tỷ lệ trong của mỗi ngành trong hệ thống nền kinh tế quốc dân. Cơ cấu ngành kinh tế là biểu hiện quan trọng nhất và ảnh hưởng nhất của cơ cấu kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cần căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và vai trò của từng ngành trong phát triển kinh tế - xã hội, cần có và nhiều kinh tế thế giới phát triển chung.

Tiếp theo quan niệm phân ngành của Tổng cục Thống kê thì thành phần nền kinh tế quốc dân của nước ta là tổng hợp của ba nhóm ngành

(*) ThS., Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

(**) CN., Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.

Bảng 1.**Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam và Thái Lan (1990-2009) (%) (2)**

Năm	1990	1995	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2007	2008	2009
Việt Nam	5,1	9,54	5,76	4,77	6,97	6,89	7,08	7,34	7,7	8,4	8,48	6,18	6,23
Thái Lan	11,2	9,2	-10,4	4,4	4,8	2,2	5,3	6,9	6,2	4,5	5,0	2,6	-2,3

sau: nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp (ngành nông nghiệp), nhóm ngành công nghiệp và xây dựng (ngành công nghiệp), nhóm ngành dịch vụ.

Khi tiếp cận theo quan niệm phân ngành của Liên Hợp Quốc, có số liệu chính khác biệt so với phân ngành của Tổng cục Thống kê nền kinh tế là tổng hợp của ba khu vực sau: khu vực I gồm các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp và ngành khai mỏ; khu vực II gồm các ngành công nghiệp chế biến nông nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, công nghiệp lọc dầu...; khu vực III gồm các ngành thông mại, du lịch, giao thông vận tải, tài chính ngân hàng, bưu điện, xây dựng, sản xuất phân phối điện nước và các ngành dịch vụ khác⁽¹⁾.

Sở dĩ nhìn của cơ cấu kinh tế là tổng thể, nó thường xuyên ôi trạng thái biến động và biến đổi không ngừng. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là sự biến đổi về vị trí, vai trò, tỷ trọng và tính cân đối với công nghệ các yếu tố các bộ phận trong ngành, các vùng, các thành phần của nền kinh tế sao cho phù hợp với nhiều kiến thức kinh tế - xã hội và tiến bộ của một nước trong một giai đoạn nhất định.

Vì vậy, khi nhìn giai đoạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế kinh tế hiện nay thông số dùng các chỉ tiêu cơ bản: cơ cấu GDP, cơ cấu lao động nông lâm nghiệp trong nền kinh tế và cơ cấu hàng xuất khẩu nếu xem xét quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về thời kỳ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam và Thái Lan. Trong thời kỳ đổi mới, bức tranh về cơ cấu kinh tế nước ta phát triển và rất nhiều thành tựu. Cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ nước ta chuyển đổi thành loại phát triển: nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nên nền kinh tế - xã hội, cơ cấu kinh tế nước ta đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực.

Phân tích về số tăng trưởng GDP của Việt Nam và Thái Lan, chúng ta thấy trong quá trình đổi mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Việt Nam đã bước vào thời kỳ tăng trưởng nhanh và ổn định; tiềm lực kinh tế của đất nước đã có nhiều thay đổi; tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm thời kỳ 1990 đến nay bình quân đạt 7,2% GDP. Năm 2008 và năm 2009 chịu ảnh hưởng từ bất ổn kinh tế và khủng hoảng tài chính nên kinh tế nước ta lâm vào tình trạng suy giảm xuống mức 6,18% và 6,23%. Những số liệu trong bảng 2 cho thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế phản ánh thời kỳ quan trọng nền kinh tế nước ta; loại trừ năm 1997 và năm 1998 có sự suy giảm rồi lại tăng cường tái chính - tiền tệ châu Á GDP con 5,26% và đời kiến năm 2010 đạt 6,5%.

Xem Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam và Thái Lan (1990-2009) (%) (2)

(1) Cơ cấu kinh tế và phát triển trong nền kinh tế nâng lên ở Châu Á Bằng chứng ma trận hạch toán xã hội của Việt Nam, tr.11, 13.

(2) Thailand into the 2000s, Published by the Nation Identity Board Office of the Prime Minister, Kingdom of Thailand, Bangkok 2000, p.346; ISEAS, ASEAN Economic Bulletin (2004), "Thailand: Economic Challenges and the Road Ahead", Vol. 21, No 1, p.55; Theo: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Niên giám thống kê (từ năm 1990 đến nay).

Bảng 2. Cơ cấu GDP theo phân ngành của Tổng cục Thống kê (%)⁽³⁾

Năm	1990	1995	2000	2003	2004	2005	2007	2008	2009
Nông nghiệp	38,74	27,18	24,54	22,54	21,76	20,50	20,30	21,99	20,7
CN &XD	22,67	28,76	36,73	39,47	40,09	41,00	41,58	39,91	40,3
Dịch vụ	38,59	44,06	38,73	37,99	38,73	38,50	38,12	38,10	39,1

Nghiên cứu quá trình phát triển kinh tế của Thái Lan cho thấy, so với các nước trong khu vực, Thái Lan có tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm khá cao. Từ năm 1960 đến năm 2000, trong khoảng thời gian gần bốn thập kỷ, tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của Thái Lan rất mức cao so với nước ta và các nước trong khu vực, trung bình đạt 7,7%/ năm nhờ lợi thế kỹ thuật và kinh tế. Tuy nhiên với những biến động và chính trị GDP của Thái Lan năm 2009 giảm tới 2,3%.

Thái Lan là một nước sôi phát triển kinh tế khai thác toàn diện do áp dụng nhiều chính sách kinh tế kịp thời theo hướng thị trường; phát triển khai thác và thông mại và năng lực, đạt hiệu suất khai thác cao. Do áp dụng nhiều biện pháp cải cách kinh tế của chính phủ từ năm 1999 đến nay kinh tế Thái Lan đã lấy nước phục hồi; dựa vào trong quý 1/2010 GDP của Thái Lan tăng 12% so với cùng kỳ năm 2009.

Nhờ vậy, tăng trưởng GDP của Việt Nam và Thái Lan có sự khác biệt rõ rệt: thời kỳ 1996 trở về trước, kinh tế Thái Lan tăng trưởng mạnh hơn so với Việt Nam; sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á GDP của Thái Lan mặc dù phục hồi nhưng tốc độ tăng trưởng GDP chỉ bằng khoảng 2/3 của Việt Nam. Lợi thế của Việt Nam về chính trị là nhiều kiến phát triển nền kinh tế ổn định nên đã tạo thế và lực cho nền kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa. Vì vậy, nền kinh tế nước ta đang đứng hai khu vực Đông Á và các thế giới chỉ sau Trung Quốc và thành tựu tăng trưởng trong hơn hai thập niên vừa qua.

Vậy thì sẽ tăng trưởng và khác biệt trong cơ

cấu ngành kinh tế của Việt Nam và Thái Lan là như thế nào? Theo phân ngành của Tổng cục Thống kê cơ cấu ngành theo GDP trong nền kinh tế nước ta trong hơn 18 năm qua (từ năm 1990 đến nay) đã có sự chuyển dịch khai thác từ thay đổi cơ bản là nông nghiệp rồi xu hướng giảm dần nhờ vốn bằng mức tăng của ngành công nghiệp.

Xem Bảng 2: Cơ cấu GDP theo phân ngành của Tổng cục Thống kê (%) ⁽³⁾

Cùng với tốc độ tăng cao của GDP, từ năm 1990 đến 2008, tỷ trọng của khu vực nông nghiệp đã giảm từ 38,74% xuống 21,99% GDP, nhường chỗ cho sự tăng lên và tỷ trọng của khu vực công nghiệp và xây dựng từ 22,67% lên 39,91%, còn khu vực dịch vụ nước duy trì ở mức gần như không thay đổi: 38,59% năm 1990 và 38,10% năm 2008, trong tổng nhóm ngành cơ cấu cũng có sự thay đổi tích cực. (Xem bảng 2)

Cơ cấu kinh tế ngành biến đổi theo chính sách mới của, hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, cơ cấu năng lực phát triển theo ngành có nhiều biến đổi tích cực chủ yếu trong khai thác lợi thế tổng ngành, tổng vùng nên phát triển. Tỷ trọng vốn năng lực cho ngành nông, lâm, thủy sản trong tổng số vốn năng lực phát triển giảm từ 13,2% năm 1995 xuống còn 6,5% năm 2007, bình quân khoảng 11%/năm. Nói về ngành dịch vụ vốn năng lực phát triển ở mức cao chiếm 53,9% tổng số vốn năng lực phát triển xã hội. Ngành công nghiệp và

(3) Theo: Tổng cục Thống kê Niên giám thống kê (các năm từ 1990 đến 2008).

Bảng 3.**Cơ cấu GDP của Việt Nam theo phân ngành của Liên Hợp Quốc(1990-2007)(%)(4)**

Năm	1990	1993	1995	1998	2000	2003	2004	2005	2007
Khu vực I	43,95	35,04	31,99	32,48	34,18	31,88	31,93	31,57	30,05
Khu vực II	12,26	15,58	14,99	17,75	18,56	20,45	20,32	20,63	21,38
Khu vực III	43,79	49,80	53,01	50,37	47,25	47,66	47,75	47,80	48,57

Bảng 4.**Tỉ trọng cơ cấu ngành kinh tế trong GDP của Thái Lan (1980 -2006)(5)**

Năm	1980	1990	1993	2000	2003	2004	2005	2006	2008
Khu vực I	20,2	12,5	12,1	11,0	10,28	10,09	9,97	9,83	12,3
Khu vực II	30,1	37,3	38,3	40,0	43,66	43,58	41,18	45,76	44,0
Khu vực III	49,7	50,3	49,6	48,6	46,06	46,33	45,85	44,41	43,7

xây dựng thay đổi hàng kế bình quân hàng năm đạt 36,38%.

Tuy vậy, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam còn chậm, do tác động của thị trường ngành dịch vụ cơ cấu ngày càng chiếm trọng tâm trong phát triển của tổng vùng, tỷ trọng ngành công nghiệp và nông nghiệp còn xu hướng giảm.

Theo phân ngành của Liên Hợp Quốc, tính đến năm 2007 chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta vẫn còn sự thay đổi

Xem Bảng 3: Cơ cấu GDP của Việt Nam theo phân ngành của Liên Hợp Quốc(1990-2007)(%)(4)

Trong nền kinh tế từ năm 1990 đến nay tỷ trọng khu vực I trong GDP còn cao hơn mức bình quân trên 30% do công thêm ngành khai thác, khu vực II tăng thấp nhất 21,38% do tính

riêng ngành công nghiệp khai thác; khu vực III đạt mức 48,57%, tăng 0,24%/năm do số gia tăng mạnh mẽ ngành cung cấp điện nước và xây dựng trong thời gian qua. Mỗi năm, khu vực I giảm 0,68% bằng 1/2 mức tăng gộp chung của các ngành và xây dựng theo phân ngành của Tổng cục Thống kê

Thái Lan là quốc gia nằm trong khu vực Đông Nam Á có nhiều kinh nghiệm, kinh tế - xã hội nhiều năm tăng trưởng so với Việt Nam. Trong nền kinh tế Thái Lan, mức độ tăng gộp của ba khu vực và nền kinh tế có sự khác biệt.

Xem Bảng 4 : Tỉ trọng cơ cấu ngành kinh tế trong GDP của Thái Lan (1980 -2006) (5)

(4) Nguồn: Tổng cục Thống kê Sđ.

(5) Nguồn: Bank of Thailand. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia. *Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của NIEs, ASEAN4 và Trung Quốc và một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*. Hà Nội, 2004, tr.4

Bảng 5: Tỷ trọng của ba khu vực kinh tế theo GDP của một số nước trong khu vực và trên thế giới tính đến năm 2005 (%)⁽⁶⁾

Nước	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Hàn Quốc	3,41	40,27	56,32
Thái Lan	9,97	41,18	45,85
Trung Quốc	11,71	47,52	39,94
Việt Nam (2005)*	31,57	20,63	47,80
Việt Nam (2007)	30,05	21,38	48,57

* Theo phân ngành của Liên Hợp Quốc

Qua bảng 4, khu vực I của Thái Lan tuy là đóng góp vào GDP của nền kinh tế chuyển dịch theo xu hướng giảm về tỷ trọng khu vực I qua các năm trung bình còn khoảng 10%; tỷ trọng khu vực II của Thái Lan cao, tăng qua các năm trung bình trên 40%. Nói với khu vực III tăng giảm không đều về tỷ trọng, vì những bất ổn về kinh tế và chính trị va chạm thành bại làm cho ngành du lịch của Thái Lan bị suy giảm mạnh; với những biện pháp của Chính phủ GDP trong khu vực này đạt trên 45%.

Khi so sánh các khu vực kinh tế của Thái Lan với các khu vực kinh tế của nước ta theo phân ngành của Tổng cục Thống kê cho thấy sự phát triển không cân đối giữa các khu vực. Tỷ trọng đóng góp của khu vực I vào nền kinh tế mặc dù có giảm do không tính ngành công nghiệp khai mỏ so với Thái Lan tuy là vẫn còn cao (2/1); bên ngoài của khu vực II nước ta thu hẹp do công thêm ngành khai mỏ vào công nghiệp nên nước ta năm 1990 đến năm 2004 tỷ trọng nhỏ hơn 40%; năm 1980 Thái Lan tỷ trọng của ngành đạt 30,1% còn Việt Nam sau 10 năm, tính đến năm 1990, đạt 22,67%. Qua số liệu, mức tăng trưởng không đều qua các thời kỳ vẫn thấp hơn Thái Lan. Nói với khu vực III, là thế mạnh của nền kinh tế Thái Lan qua các thời kỳ mặc dù có sự tăng giảm do thiên tai và các cuộc nổi dậy tại Thái Lan những tỷ trọng khu vực này luôn cao hơn so với

Việt Nam; năm 1990 (50,3%/38,59%) đến năm 2008 do ảnh hưởng từ khủng hoảng tài chính các nước từ bên ngoài khu vực này có sự suy giảm đạt 43,7%/39,1%.

Khi so sánh theo phân ngành của Liên Hợp Quốc, cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam và Thái Lan có điểm tương đồng trong khu vực III đạt trên 45%; khu vực I của Việt Nam cao hơn Thái Lan có sự chênh lệch lớn với khoảng 2,5 lần. Ngược lại, khu vực II của nước ta tỷ trọng đóng góp vào GDP của nền kinh tế từ năm 1990 đến nay còn thấp; sự chênh lệch này biểu hiện tỷ lệ 2/1, do chưa khai thác triệt để thế mạnh của các vùng miền trong nước. Đây là bài toán đặt ra cho nền kinh tế nước ta cần có chính sách phù hợp thúc đẩy tốt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, cần hướng tới xây dựng khối các ngành dịch vụ chất lượng cao nước ta coi trọng vai trò trung tâm trong chiến lược phát triển kinh tế của nước ta.

Hiện trạng cơ cấu kinh tế ngành của Việt Nam trong tổng quan so sánh với Thái Lan và một số nước trong khu vực như Trung Quốc, Hàn Quốc còn có sự chênh lệch lớn.

Xem Bảng 5: Tỷ trọng của ba khu vực kinh tế theo GDP của một số nước trong khu vực và trên thế giới tính đến năm 2005 (%)⁽⁶⁾

⁽⁶⁾ Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2007.

Tóm lại, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta chuyển biến chậm và lác đác; Thái Lan ngay trong những năm đầu thời kỳ công nghiệp hóa và thời hiện đại hóa công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu đã đạt được thành tựu lớn. Sản xuất nông nghiệp của Thái Lan đóng góp ổn định, tỷ trọng đóng góp vào GDP nên kinh tế vẫn quan trọng chiếm 18%; vì vậy, thời kỳ đầu công nghiệp hóa Thái Lan đã chuyển sang cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp do Chính phủ Thái Lan có những biện pháp phù hợp. Sự khác biệt với cơ cấu kinh tế Thái Lan, ở Việt Nam khu vực nông nghiệp ở nước ta quá cao, khu vực công nghiệp tỷ trọng đóng góp vào GDP quá thấp. Thước đo trên cho thấy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam còn mất căn cứ và mức tiêu pha rất nặng nề năm 2020 về cơ bản nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại trên toàn thế giới.

Sở dĩ nông nghiệp và khác biệt về chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của Việt Nam và Thái Lan qua các thời kỳ biểu hiện rõ ràng qua quan niệm và chính sách phát triển kinh tế của Chính phủ mỗi nước. Ngành nông nghiệp của Việt Nam và Thái Lan còn nặng nề nông nghiệp là nhiều kiến thức với nền nông nghiệp nhiệt đới thuần lúa cho việc phát triển nông nghiệp, khai thác thế mạnh ở mỗi vùng miền trong cả nước.

Ở nước ta, thời kỳ 1976-1980, Việt Nam chưa thành công trong việc áp dụng mô hình và cơ chế kế hoạch hóa chưa chú trọng phát triển ngành nông nghiệp, mức tăng trưởng chỉ đạt 1,9%/năm. Từ năm 1986, nhà nước trao quyền sử dụng đất lâu dài cho nông dân, cho phép hội đồng chuyển nhượng thỏa kết theo luật năm (7/1993), môi trường tự nhiên nông thôn này nông nghiệp phát triển, hàng hóa và xuất khẩu. Từ năm 1989 đến nay, Việt Nam đã giải quyết được vấn đề lương thực và trở thành nước xuất khẩu gạo lớn trong khu vực và thế giới.

Nói với Thái Lan, niềm khác biệt là thời kỳ đầu công nghiệp hóa, Chính phủ thời chính sách ưu tiên ngành chế biến nông sản và thời kỳ phẩm hướng về xuất khẩu góp phần làm cho nông nghiệp Thái Lan đạt được nhiều tiến bộ so

với thời kỳ trước những năm 70. Chính phủ coi những chính sách khuyến khích khai hoang, môi trường canh tác, trồng trọt chăn nuôi khuyến khích sử dụng nhiều lao động; cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản, từ đó thúc đẩy tăng trưởng, tạo nhiều công ăn việc làm. Trong giai đoạn khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997-1998, nông nghiệp bù đắp phần thâm hụt do hệ thống tài chính - ngân hàng bị chao đảo bởi những cơn bão nông nghiệp. Từ năm 2000 đến nay, chính phủ Thái Lan có nhiều cải cách nhằm phục hồi sản xuất nông nghiệp; tuy nhiên nông nghiệp không còn là ngành sản xuất giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế nước này.

- Về công nghiệp, Việt Nam ở những năm đầu của thời kỳ công nghiệp hóa ưu tiên phát triển công nghiệp nặng đã mang lại kết quả không nhỏ mong đợi. Vì vậy, sau cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực, hàng loạt ngành công nghiệp toàn ít vốn, thu hút nhiều lao động, phát triển công nghiệp chọn lọc ngành công nghiệp có nhiều kiến thức tại nước ngoài, năm ba mươi nhiều kiến thức (nhiên, khai thác, chế biến dầu khí, vật liệu xây dựng, hóa chất, phân bón, luyện kim; coi trọng phát triển ngành công nghiệp theo hướng hiện đại và xây dựng; công nghiệp chế biến gia tăng cao nhất từ 12,6% năm 1990 lên 20,23% năm 2004; tổng tài sản xây dựng và trong GDP tăng bình quân 0,16%/năm. Công nghiệp Việt Nam nâng cao giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa; việc duy trì tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp chế biến cao một cách bền vững là một nhiệm vụ to lớn trước mắt.

Nói với Thái Lan chính sách phát triển công nghiệp nước coi nhẹ mức tích lũy, chính phủ Thái Lan luôn mong muốn gia tăng tỷ trọng trong cơ cấu GDP. Trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ ba (1972-1976), chính phủ Thái Lan nhận mạnh quyết tâm biến nước nền nông nghiệp thành một nền kinh tế công nghiệp, chú trọng phát triển ngành chế tạo là thế mạnh của Thái Lan. Vì vậy sự dịch chuyển cơ cấu từ nông nghiệp sang công nghiệp một

cách khai thác qua các lĩnh vực trồng các sản phẩm xuất khẩu. Thời kỳ 1990-2000 chia vốn ODA của Nhật Bản cho các lĩnh vực phát triển kinh tế nhỏ giao thông chiếm 41,5%, năng lượng 18,66%, công nghiệp 2,13%, nông nghiệp 4,98%... Việc ưu tiên cho phát triển cơ sở hạ tầng nhằm lái lợi ích to lớn cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Nói với các ngành dịch vụ, ở Việt Nam, quá trình toàn cầu hóa môi trường và sự bùng nổ của internet đã tạo ra bước phát triển cho ngành dịch vụ viễn thông trong giai đoạn này. Bên cạnh đó chính sách đầu tư phát triển hạ tầng của Chính phủ đã hình thành mạng lưới giao thông từ Bắc đến Nam và tạo nên sự gia tăng nhiều nhất ở nhóm ngành vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc từ 3,45% năm 1990 đến năm 2004 đạt 4,26%. Trái ngược với Thái Lan, nhóm ngành dịch vụ quan trọng nhất tại chính, tín dụng hiện nay chiếm 1,7% trong năm 1990 chiếm 1,17% năm 1995 tăng lên 2,01%, những năm sau đó lại liên tục suy giảm còn 1,79% năm 2004. Sự suy giảm tỷ trọng của nhóm ngành giao dịch và vận tải từ 3,62% năm 1995 xuống 3,27% năm 2004 là "tín hiệu nổi" về cơ cấu ngành dịch vụ của hội tụ. Ngành dịch vụ ở Việt Nam về cơ bản đã hình thành song cửa phát huy hết tiềm năng của nó. Việc tách rời quản lý với các hoạt động dịch vụ trong nước của mang lại hiệu quả cao.

Ở Thái Lan, chính sách chuyển dịch cơ cấu đã tạo nên nhiều kiến thức cho lĩnh vực dịch vụ phát triển mạnh mẽ phục vụ cho các công nghiệp và nông nghiệp nhất là các dịch vụ tài chính - tiền tệ - ngân hàng, môi giới bất động sản, du lịch... Tuy nhiên, các ngành dịch vụ tài chính - tiền tệ - ngân hàng là lĩnh vực có những đóng góp lớn vào sự tăng trưởng thần kỳ liên tục trong nhiều năm của Thái Lan lại trở thành nỗi lo ngại phát sinh khủng hoảng tài chính - tiền tệ sau này.

Quan niệm và chủ trương chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hóa ở Việt Nam và Thái Lan có sự khác biệt trong mỗi giai đoạn phát triển nền kinh tế. Nói với Thái Lan, Chính phủ chủ trương chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, nên ra nhiều chính sách phát triển công nghiệp và

dịch vụ song song với việc thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn; phát triển công nghiệp chế biến nông sản, tập trung phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao và ngành công nghệ mới của Thái Lan - công nghiệp chế tạo xuất khẩu chiếm 2/3.

Một trong những lĩnh vực có tài năng mạnh nhất tại Việt Nam là công nghệ thông tin và truyền thông. Một trong những biện pháp tiêu biểu là phát triển các công nghiệp dựa vào công nghệ thông tin ở thủ đô Bangkok và xung quanh vùng Thái Lan; bãi bỏ quy định về giá cả và tự do hóa đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Chủ trương phát triển các ngành dịch vụ, vận tải biển, hàng không, viễn thông... là một chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thái Lan nhằm tạo ra những đột phá mới trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Vì vậy, nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Liên Hợp Quốc cho thấy rõ hơn, chính xác hơn so với phần ngành của Tổng cục Thống kê thực trạng cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam còn rất lạc hậu, chuyển dịch không đều so với Thái Lan. Thành tựu Thái Lan đạt được cho đến thời điểm xây dựng khung hoàng (2/7/1997) cơ cấu kinh tế Thái Lan từ một nước thuần nông vào năm thập niên 1960, Thái Lan đã trở thành một nước công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ và tỷ trọng các ngành trong GDP tăng lên (11%, 40,4%, 48,6%). Về thời gian, Việt Nam và Thái Lan cùng xuất phát điểm về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa; những sự thành công của Thái Lan lại diễn ra nhờ mong đợi và sớm hơn so với Việt Nam.

Bức tranh tổng quan về cơ cấu kinh tế nước ta nói chung phải có giải pháp mang tính chiến lược phù hợp. Qua thực tiễn chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Thái Lan, Việt Nam cần học tập kinh nghiệm để tránh cơ cấu ngành kinh tế "chuyển dịch ngược" và mục tiêu đến năm 2020, nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng mục tiêu nhất là. Ở đây, chúng tôi xin nêu ra một số giải pháp và kinh nghiệm của Thái Lan cho Việt Nam tiếp cận nhằm ngày nhanh quá

trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong thời gian tới.

Về giải pháp, chúng ta cần thức hiện một số giải pháp dưới đây:

- *Thời nhất*, tạo môi trường chính trị-xã hội, pháp lý ổn định và thuận lợi.

- *Thời hai*, hoàn thiện công tác qui hoạch và các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, phải nắm bắt theo hướng Nhà nước xây dựng và thức hiện qui hoạch “cộng” tổng thể nền kinh tế quốc dân còn doanh nghiệp thức hiện qui hoạch “mềm.”

- *Thời ba*, khai thác và huy động các nguồn lực cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

- *Thời tư*, môi trường thị trường kết hợp giữa môi trường thị phần trên thị trường quốc tế và tăng sức mua trên thị trường trong nước, cần biết chú ý thị trường nông thôn.

Ngoài ra, chúng ta cần chú ý một số kinh nghiệm nước rút ra từ thức tiến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Thái Lan như sau:

- Trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam có thể học hỏi từ Thái Lan qua chính sách ngoài giao nã phòng, mềm dẻo trong quan hệ với các nước và các tổ chức quốc tế linh hoạt trong việc triển khai chính sách kinh tế trong tổng giải nãn thức hiện công nghiệp hóa hõng và xuất khẩu.

- Trong suốt quá trình thức hiện chiến lược công nghiệp hóa, Thái Lan rất coi trọng ổn định kinh tế và mọi duy trì một tỷ lệ giải nãn nãn ổn định thông qua số nãn baib các nguồn đời trôi quốc tế tỷ lệ lãi suất duy trì ở mức khoảng 5%, trở thời kỳ chõu ảnh hưởng của hai cuộc khủng hoảng dầu lửa vào nãu thập kỷ 70 và 80.

- Thái Lan luôn dành phần lớn nguồn vốn trôi ODA và vốn vay cho phát triển cơ sở hạ tầng nhờ xây dựng nõng giao thông, phát triển hệ thống năng lượng, viễn thông; do vậy, Thái Lan

nhất nước tỷ lệ tăng trưởng kinh tế nhanh, nãu kịp và vượt xa Philippines sau hơn 3 thập kỷ phát triển kinh tế

- Tăng cường môi trường, tạo môi trường thuận lợi nhằm thu hút ngay càng nhiều nãu tiếp xúc tiếp xúc với nước ngoài; là một trong những quyết sách quan trọng Thái Lan thức hiện khai thác công và cũng là bằng chứng và kinh nghiệm tốt nã Việt Nam học tập.

Chính phủ Thái Lan chú trọng vai trò của Nhà nước trong quản lý và phát triển kinh tế luôn coi khu vực kinh tế tư nhân là nãng lực phát triển kinh tế nãng vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa. Nãu là có số nãu sức thuyết phục nã nước ta có cái nhìn nãng hơn, mạnh mẽ hơn về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Từ trung lai, trong xu thế môi trường hội nhập, nền kinh tế-xã hội nước ta nãng trên nãu khởi sắc. Tổng quan chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta theo phần ngành của Tổng cục Thống kê còn chậm; việc phân tích theo quan niệm phần ngành của Liên Hợp Quốc cho thấy rõ hơn thức trạng và trình độ phát triển của nền kinh tế nước ta so với Thái Lan còn chênh lệch, mức độ xuất phát điểm của nền kinh tế kinh tế Thái Lan và Việt Nam còn số tổng nãng những Thái Lan thành công sớm hơn Việt Nam. Thức tiến trên giúp các nhà quản lý kinh tế và những học giả thấy nước số chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta còn lạc hậu, phát triển không cân nã, trình độ thấp và chuyển dịch chậm so với các nước trong khu vực và thế giới. Vì nã trên nã ra bài toán nãu học phải có lối giải pháp hợp nã tranh tình trạng “chuyển dịch ngược” trong cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta và nã nước mức tiêu nã nã ra trong Vn kien Nãi học Nãng toàn quốc lần thời X.

